

Số: 213 /TB-DHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ năm 2024

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ dược học đã xác định năm 2024, Trường Đại học Dược Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ năm 2024 như sau:

#### I. CHỈ TIÊU VÀ CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

##### 1. Tiến sĩ

Chỉ tiêu: 38

Các ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; Hóa dược; Dược lý và dược lâm sàng; Dược liệu - Dược học cổ truyền; Hóa sinh dược; Kiểm nghiệm thuốc và độc chất; Tổ chức quản lý dược.

##### 2. Thạc sĩ

Chỉ tiêu: 210

Các ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; Hóa dược; Dược lý và dược lâm sàng (định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng); Dược liệu - Dược học cổ truyền; Hóa sinh dược; Kiểm nghiệm thuốc và độc chất; Tổ chức quản lý dược (định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng).

#### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

##### 1. Tiến sĩ

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

##### 1.1. Điều kiện về văn bằng:

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên ngành phù hợp (*Phụ lục 1*), hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

1.2. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

1.3. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở nước ngoài, phân hiệu cơ sở nước ngoài tại Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định và còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (*Phụ lục 2*).

1.4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và có trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 4, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.5. Có dự thảo đề cương và dự kiến kế hoạch nghiên cứu toàn khóa.

1.6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Trường trong quá trình đào tạo theo quy định

1.7. Có đủ sức khỏe để học tập.

## **2. Thạc sĩ**

2.1. Điều kiện về văn bằng: Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (*Phụ lục 1*); đối với chương trình định hướng nghiên cứu đang triển khai tại Trường yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

2.2. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên của chính Trường Đại học Dược Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*Phụ lục 2*).

2.3. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ

tương đương trở lên) dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường (nếu có)

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu ngành học;

2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

### III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

#### 1. Tiến sĩ

Chính quy. Thời gian từ 3 – 4 năm.

#### 2. Thạc sĩ

Tập trung theo tín chỉ: Thời gian từ 1 -2 năm.

### IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

#### 1. Đối tượng ưu tiên: Đối với thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

#### 2. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh dự thi thuộc diện ưu tiên được cộng 10 điểm vào kết quả xét tuyển đối với trình độ thạc sĩ.

#### Ghi chú:

- Thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên trên đề nghị nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi đi nộp hồ sơ đăng ký dự thi (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã hết hạn nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh **không** đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024.

## V. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

### 1. Tiến sĩ

#### 1.1. Phương thức: Xét tuyển

#### 1.2. Tiêu chí xét tuyển

- Đánh giá hồ sơ của ứng viên dự tuyển.
- Đánh giá đề cương nghiên cứu, kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và phỏng vấn đánh giá năng lực
- Điều kiện xét trúng tuyển: điểm từng phần  $\geq 50$  điểm.
- Căn cứ vào điều kiện trên và chỉ tiêu ngành tuyển sinh: Xét điểm từ cao xuống thấp

### 2. Thạc sĩ:

#### 2.1. Phương thức: Xét tuyển

#### 2.2. Tiêu chí xét tuyển:

- Đánh giá hồ sơ theo tiêu chí xét tuyển quy định tại Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường (*Phụ lục 3*).
- Điều kiện xét trúng tuyển: điểm hồ sơ  $\geq 50$  điểm và tổng điểm đạt được
- Căn cứ vào điều kiện trên và chỉ tiêu ngành tuyển sinh: Xét điểm từ cao xuống thấp

## VI. HỒ SƠ TUYỂN SINH

Hồ sơ tuyển sinh gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:

### 1. Tiến sĩ

- 1.1. Đơn xin dự tuyển (*theo mẫu*).
- 1.2. Đơn đăng ký học các học phần bổ sung (*trường hợp thí sinh tốt nghiệp thạc sĩ/đại học ngành phù hợp yêu cầu phải học bổ sung theo Phụ lục 1*)
- 1.3. Lý lịch khoa học (*theo mẫu*).
- 1.4. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng (*theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).
- 1.5. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực:
  - Bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đối với người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ mà chưa có bằng thạc sĩ.
  - Bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ và bảng điểm đại học, thạc sĩ đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp thạc sĩ.
  - Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.
- 1.6. Minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học:
  - Bản chụp các công trình nghiên cứu khoa học bao gồm trang bìa, mục lục và toàn văn của công trình.
  - Bản chụp các quyết định giao đề tài và biên bản nghiệm thu.
- 1.7. Minh chứng về kinh nghiệm công tác chuyên môn (nếu có):

- Bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp hoặc hợp đồng lao động dài hạn.

- Giấy chứng nhận thâm niên công tác của cơ quan quản lý trực tiếp đối với người có việc làm (*theo mẫu*).

1.8. Bài luận tổng quan đóng quyển bìa mềm (*theo mẫu*).

1.9. Đề cương nghiên cứu đóng quyển bìa mềm (*theo mẫu*).

1.10. Thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (*theo mẫu*).

1.11. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (*đối với người có việc làm*).

1.12. 01 ảnh 4 x 6 (*ghi rõ họ và tên; ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh*); 01 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc người nhận.

## **2. Thạc sĩ**

2.1. Phiếu đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*)

2.2. Đơn đăng ký học các học phần bổ sung (*trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp yêu cầu phải học bổ sung theo Phụ lục 1*)

2.3. Văn bản đồng ý cho dự thi của cơ quan quản lý (*đối với người có việc làm*).

2.4. Sơ yếu lý lịch (*có dán ảnh và đóng dấu giáp lai*) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (*đối với người có việc làm*) hoặc chính quyền địa phương (*đối với người chưa có việc làm*).

2.5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng (*theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

2.6. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện tốt nghiệp và bảng điểm đại học.

2.7. Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định.

2.8. Giấy chứng nhận thâm niên công tác của cơ quan quản lý trực tiếp đối với người có việc làm (*theo mẫu*).

2.9. Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên (*nếu có*).

2.10. 01 ảnh 4 x 6 cm (*ghi rõ họ và tên; ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh*) và 01 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc người nhận. Nếu địa chỉ người nhận không phải là thí sinh thì phải đề thêm tên của thí sinh.

*Lưu ý:* Học viên trúng tuyển khi nhập học phải đóng học phí và các khoản lệ phí khác theo đúng quy định hiện hành (*Mức học phí của các hệ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ xem trên website của Trường*).

## VII. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

### 1. Xét tuyển nghiên cứu sinh:

- Đăng ký dự tuyển: 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng).
  - Dự tuyển nghiên cứu sinh: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).
- Tổng cộng: **260.000đ** (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

### 2. Xét tuyển đào tạo thạc sĩ:

- Đăng ký dự tuyển: 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng).
  - Dự tuyển trình độ thạc sĩ: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).
- Tổng cộng: **260.000đ** (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

(*Hướng dẫn nộp lệ phí xem tại Phụ lục 4. Đối với thí sinh đã nộp hồ sơ nhưng không dự thi sẽ không được hoàn lại hồ sơ và lệ phí dự tuyển.*)

## VIII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TUYỂN SINH

1. Xét tuyển nghiên cứu sinh: Dự kiến từ ngày 12/8/2024 đến 16/8/2024.

2. Xét tuyển đào tạo thạc sĩ: Dự kiến từ ngày 12/8/2024 đến 16/8/2024.

3. Địa điểm xét tuyển: Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

## IX. THỜI HẠN, HÌNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. Thời gian đăng ký hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ:

<https://tuyensinh.saudaihoc.hup.edu.vn> từ 8h00 ngày 10/5/2024 đến 16h30 ngày 26/7/2024.

2. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sau khi đăng ký trực tuyến thành công, thí sinh in Phiếu đăng ký, lấy xác nhận theo yêu cầu của Nhà trường.

- Nhận hồ sơ chính thức đăng ký dự tuyển:

Sáng: 8h00 – 11h30; chiều: 13h30-16h30

Thời gian nộp hồ sơ từ ngày **01/7/2024 đến ngày 26/7/2024.**

Tất cả giấy tờ được đựng trong một túi hồ sơ, bên ngoài ghi rõ trình độ dự tuyển, họ tên, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của thí sinh.

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong phiếu đăng ký dự thi, và các giấy tờ, văn bằng nộp. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

3. Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo – Bộ phận Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

## X. THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ KHAI GIẢNG KHÓA HỌC

1. Công bố kết quả thi tuyển: Dự kiến tháng 9 năm 2024.

2. Khai giảng khóa học: Dự kiến tháng 10 năm 2024.

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển xem trên trang web tuyển sinh của Trường: <http://tuyensinh.hup.edu.vn>

Hoặc liên hệ trực tiếp:

Phòng Quản lý Đào tạo – Bộ phận Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Email liên hệ: p.saudaihoc@hup.edu.vn

Kính đề nghị các cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc và các cán bộ y tế có nguyện vọng dự tuyển các chương trình nói trên để kịp thời đăng ký và hoàn tất thủ tục dự tuyển.

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan, đơn vị y tế TW và địa phương;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- CT Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Viện/Trung tâm/Khoa và các đơn vị liên quan;
- Website; Niêm yết bảng tin;
- Lưu: VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
DƯỢC HÀ NỘI**

★ **Nguyễn Hải Nam**

**PHỤ LỤC 1**  
**NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN CẦN BỔ SUNG TRƯỚC KHI DỰ**  
**TUYỂN TRONG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, THẠC SĨ**

**I. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ.**

**1. Có bằng đại học loại giỏi trở lên:**

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung trước khi xét tuyển	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (9720202)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	- Bào chế và sinh dược học 1 (3 tín chỉ) - Bào chế và sinh dược học 2 (3 tín chỉ) - Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 1 (3 tín chỉ)	
	Cử nhân Hóa học	7440112		
	Cử nhân Công nghệ sinh học	7420201		
<b>2</b>	<b>Ngành Hóa dược (9720203)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	Không	
	Cử nhân Hóa học (CT Hóa dược)	7440112	Không	
	Cử nhân/Kỹ sư Kỹ thuật hóa học (CT Hóa dược)	7520301	Không	
	Cử nhân Hóa học	7440112	1. Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1 (2TC) 2. Nghiên cứu phát triển thuốc mới 2 (3TC)	
	Cử nhân/Kỹ sư Kỹ thuật hóa học	7520301		
	Cử nhân Sư phạm Hóa học	7140212		
	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401		
<b>3</b>	<b>Ngành Dược lý và dược lâm sàng (9720205)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Bác sĩ Y khoa	7720101	Không	
<b>4</b>	<b>Ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (9720206)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	Lựa chọn 2 trong 3 học phần sau (nếu chưa học) - Dược liệu 1 (3 tín chỉ) - Dược liệu 2 (2 tín chỉ) - Dược học cổ truyền (3 tín	
	Cử nhân Hóa học	7440112		
	Cử nhân kỹ thuật Hóa học	7520301		
	Cử nhân Công nghệ sinh học	7420201		
	Bác sĩ Y khoa	7720101		



TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung trước khi xét tuyển	Ghi chú
	Bác sĩ Y học cổ truyền	7720115	chỉ)	
<b>5</b>	<b>Ngành Hóa sinh dược (9720208)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	Không	
	Cử nhân Sinh học	7420101	- Hóa sinh (3 tín chỉ) - Hóa sinh lâm sàng (2 tín chỉ)	
	Cử nhân Công nghệ sinh học (Công nghệ sinh học và phát triển thuốc)	7420201		
	Cử nhân Kỹ thuật sinh học	7420202		
	Cử nhân Sinh học ứng dụng	7420203		
	Bác sĩ Y khoa	7720101		
	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học	7720601		
<b>6</b>	<b>Ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (9720210)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hoá dược	7720203	Nếu người học chưa tích lũy cần bổ sung theo nguyên tắc thiếu đâu bù đầy các học phần về: - Hoá phân tích 2 (3 TC) - Kiểm nghiệm (2 TC) - Tích lũy các HP về thuốc (3 TC) trong số các HP: Hoá dược, Dược lý, Dược liệu, Độc chất	
	Cử nhân Sinh học	7420101		
	Cử nhân Công nghệ sinh học	7420201		
	Cử nhân Kỹ thuật sinh học	7420202		
	Cử nhân Sinh học ứng dụng	7420203		
	Cử nhân Khoa học môi trường	7440301		
	Cử nhân Hoá học	7440112		
	Cử nhân Kỹ thuật hoá học	7520301		
<b>7</b>	<b>Ngành Tổ chức quản lý dược (9720212)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	- Quản lý cung ứng thuốc (3 TC) - Kinh tế Dược (3 TC) - Dịch tễ dược cơ bản (2 TC)	
	Cử nhân Hóa học	7440112		
	Cử nhân Công nghệ sinh học	7420201		
	Cử nhân Y tế công cộng	7720701		
	Cử nhân Tổ chức và quản lý y tế	7720801		
	Cử nhân Quản lý bệnh viện	7720802		

## 2. Có bằng thạc sĩ:

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (9720202)</b>			

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
	ThS. dược học – ngành/chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc Hóa dược Dược lý và Dược lâm sàng Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất Dược liệu - Dược học cổ truyền Hoá sinh dược Tổ chức quản lý dược	8720202 8720203 8720205 8720210 8720206 8720208 8720412	Không	
<b>2</b>	<b>Ngành Hóa dược (9720203)</b>			
	ThS Hóa dược	8720203	Không	
	ThS Hóa học định hướng chuyên ngành hóa dược	8440112	Không	
	ThS. Kỹ thuật hóa học định hướng chuyên ngành hóa dược	8520301	Không	
	<i>ThS. dược học – ngành/chuyên ngành:</i> Công nghệ dược phẩm – Bào chế thuốc Dược lý và Dược lâm sàng Kiểm nghiệm thuốc & Độc chất Dược liệu - Dược học cổ truyền Hoá sinh dược Tổ chức quản lý dược	8720202 8720205 8720210 8720206 8720208 8720412	Không	
	ThS. Hóa học	8440112	1. Một số chuyên đề đặc biệt trong nghiên cứu phát triển thuốc mới (2TC) 2. Thiết kế, tối ưu hóa và nâng cấp quy trình trong tổng hợp Hóa dược (2TC)	
	ThS. Hóa Hữu cơ	8440114		
	ThS. Hóa phân tích	8440118		
	ThS. Kỹ thuật Hóa học	8520301		
<b>3</b>	<b>Ngành Dược lý và dược lâm sàng (9720205)</b>			
	Thạc sĩ dược học các ngành/chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	8720202	Không	

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
	Dược lý và dược lâm sàng	8720205		
	Hóa dược	8720203		
	Dược liệu - Dược học cổ truyền	8720206		
	Hóa sinh dược	8720208		
	Kiểm nghiệm thuốc & độc chất	8720210		
	Tổ chức quản lý dược	8720412		
	Dược lý & Độc chất	8720118		
	<b>Có bằng Chuyên khoa cấp II</b>			
	Dược lý và dược lâm sàng	CK 9720205	Không	
<b>4</b>	<b>Ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (9720206)</b>			
	ThS. Dược học – ngành/chuyên ngành:			
	Công nghệ dược phẩm – Bào chế thuốc	8720202	Không	
	Hóa dược	8720203		
	Dược lý và Dược lâm sàng	8720205		
	Kiểm nghiệm thuốc & Độc chất	8720210		
	Dược liệu - Dược học cổ truyền	8720206		
	Hoá sinh dược	8720208		
	Tổ chức quản lý dược	8720412		
	ThS. Công nghệ sinh học	8420201	Lựa chọn 2 trong số 3 học phần sau: - Đảm bảo chất lượng dược liệu và thuốc dược liệu (2 tín chỉ) - Sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả theo hướng hiện đại (2 tín chỉ) - Tài nguyên cây thuốc (2 tín chỉ)	
	ThS. Y học cổ truyền	8720115		
<b>5</b>	<b>Ngành Hóa sinh dược (9720208)</b>			
	ThS. dược học – ngành/chuyên ngành:			
	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	8720202	Không	
	Hóa dược	8720203		
	Dược lý và Dược lâm sàng	8720205		

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
	Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất Dược liệu - Dược học cổ truyền Hoá sinh dược Tổ chức quản lý dược	8720210 8720206 8720208 8720412		
	ThS. Sinh học	8420101	Gen dược (2 tín chỉ)	
	ThS. Hóa sinh học	8420116		
	ThS. Công nghệ sinh học	8420201		
	ThS. Khoa học Y sinh	8720101		
<b>6</b>	<b>Ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (9720210)</b>			
	ThS. dược học – ngành/chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc Hóa dược Dược lý và Dược lâm sàng Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất Dược liệu - Dược học cổ truyền Hoá sinh dược Tổ chức quản lý dược	8720202 8720203 8720205 8720210 8720206 8720208 8720412	Không	
	ThS các ngành phù hợp: Sinh học Công nghệ sinh học Hoá học Hoá vô cơ Hoá hữu cơ Hoá phân tích Hoá lý thuyết và hoá lý Hoá môi trường Khoa học môi trường Kỹ thuật hoá học	8420101 8420201 8440112 8440113 8440114 8440118 8440119 8440120 8440301 8520301	Không	
<b>7</b>	<b>Ngành Tổ chức quản lý dược (9720212)</b>			
	ThS. dược học – ngành/chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc Hóa dược Dược lý và Dược lâm sàng Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất	8720202 8720203 8720205 8720210	Không	

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
	Dược liệu - Dược học cổ truyền Hoá sinh dược Tổ chức quản lý dược	8720206 8720208 8720412		
	ThS các ngành phù hợp: Quản lý y tế Quản lý bệnh viện Y tế công cộng	8720801 8720802 8720801	- Quản lý cung ứng thuốc (3 TC)	
	<b>Có bằng Chuyên khoa cấp II</b>			
	Tổ chức quản lý dược	CK 9720212	Không	

## II. Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ:

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (8720202)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	- Bào chế và sinh dược học 1 (3 tín chỉ) - Bào chế và sinh dược học 2 (3 tín chỉ) - Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 1 (3 tín chỉ)	Học trước khi xét tuyển
	Cử nhân hóa học (CT Hóa dược)	7440112		
	Cử nhân Công nghệ sinh học (CT công nghệ sinh học và phát triển thuốc/CT công nghệ sinh dược)	7420201		
<b>2</b>	<b>Ngành Dược lý và dược lâm sàng (8720205) định hướng nghiên cứu</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Bác sĩ Y khoa	7720101	Không	
<b>3</b>	<b>Ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (8720206)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	Lựa chọn 2 trong 3 học phần sau (nếu chưa học) - Dược liệu 1 (3 TC) - Dược liệu 2 (2 TC) - Dược học cổ truyền (3 TC)	
	Cử nhân Hóa học	7440112		
	Cử nhân kỹ thuật Hóa học	7520301		
	Cử nhân Công nghệ sinh học	7420201		
	Bác sĩ Y khoa	7720101		
	Bác sĩ Y học cổ truyền	7720115		
<b>4</b>	<b>Ngành Hóa sinh dược (8720208)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	Không	

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
	Sinh học	7420101	Học bổ sung các học phần nếu chưa được học: - Hóa sinh (3 TC) - Hóa sinh lâm sàng (2TC)	
	Công nghệ sinh học (Công nghệ sinh học và phát triển thuốc)	7420201		
	Kỹ thuật sinh học	7420202		
	Sinh học ứng dụng	7420203		
	Y khoa	7720101		
	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	7720601		
<b>5</b>	<b>Ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (8720210)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720210	Nếu người học chưa tích lũy cần bổ sung theo nguyên tắc thiếu đâu bù đầy các học phần về: - Hoá phân tích 2 (3 TC) - Kiểm nghiệm (2 TC) - Tích lũy các HP về thuốc (3 TC) trong số các HP: Hoá dược, Dược lý, Dược liệu, Độc chất	
	Sinh học	7420101		
	Công nghệ sinh học	7420201		
	Kỹ thuật sinh học	7420202		
	Sinh học ứng dụng	7420203		
	Khoa học môi trường	7440301		
	Hoá học	7440122		
	Kỹ thuật hoá học	7520301		
<b>6</b>	<b>Ngành Tổ chức quản lý dược (8720212) định hướng nghiên cứu</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	- Quản lý cung ứng thuốc (3 TC) - Kinh tế Dược (3 TC) - Dịch tễ dược cơ bản (2 TC)	
	Cử nhân Hóa học	7440112		
	Cử nhân Công nghệ sinh học	7420201		
	Cử nhân Y tế công cộng	7720701		
	Cử nhân Tổ chức và quản lý y tế	7720801		
	Cử nhân Quản lý bệnh viện	7720802		
<b>7</b>	<b>Ngành Hóa dược (8720203)</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	Không	
	Cử nhân hóa học (CT Hóa dược)	7440112	Không	
	Cử nhân/Kỹ sư Kỹ thuật hóa học (CT Hóa dược)	7520301	Không	
	Cử nhân Hóa học	7440112	- Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1 (2TC)	
	Cử nhân/Kỹ sư Kỹ thuật hóa	7520301		

TT	Ngành phù hợp	Mã ngành	Học phần cần học bổ sung để xét tuyển	Ghi chú
	học		- Nghiên cứu phát triển thuốc mới 2 (3TC)	
	Cử nhân Sư phạm Hóa học	7140212		
	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401		
<b>8</b>	<b>Ngành Dược lý và dược lâm sàng (8720205) định hướng ứng dụng</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Bác sĩ Y khoa	7720101	Không	
<b>9</b>	<b>Ngành Tổ chức quản lý dược (8720212) định hướng ứng dụng</b>			
	Đại học ngành Dược học	7720201	Không	
	Cử nhân Hóa dược	7720203	- Quản lý cung ứng thuốc (3 TC) - Kinh tế Dược (3 TC) - Dịch tễ dược cơ bản (2 TC)	
	Cử nhân Hóa học	7440112		
	Cử nhân Công nghệ sinh học	7420201		
	Cử nhân Y tế công cộng	7720701		
	Cử nhân Tổ chức và quản lý y tế	7720801		
	Cử nhân Quản lý bệnh viện	7720802		

## PHỤ LỤC 2

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

#### 1. Xét tuyển nghiên cứu sinh:

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

#### 2. Xét tuyển đào tạo thạc sĩ:

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179



TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
		Aptis ESOL International Certificate	Aptis B1	Aptis B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Chứng chỉ tiếng Anh phải do một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận cấp, trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự thi.

### 3. Danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (Tiếng Anh)

Theo Thông báo số: 1098/TB-QLCL ngày 07/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Cơ sở được cấp phép	Ghi chú
1	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	
2	Trường Đại học Hà Nội	
3	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
4	Đại học Thái Nguyên	
5	Trường Đại học Vinh	
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	
7	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	
8	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
9	Trường Đại học Cần Thơ	
10	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	
11	Học viện An Ninh nhân dân	
12	Trường Đại học Sài Gòn	
13	Trường Đại học Trà Vinh	
14	Trường Đại học Văn Lang	
15	Trường Đại học Quy Nhơn	

TT	Cơ sở được cấp phép	Ghi chú
16	Trường Đại học Tây Nguyên	
17	Trường Đại học Công nghiệp Tp HCM	
18	Học viện Báo chí Tuyên truyền	
19	Trường Đại học Công thương Tp HCM	
20	Trường Đại học Thương mại	
21	Học viện Khoa học quân sự	
22	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	
23	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	
24	Học viện Cảnh sát nhân dân	
25	Đại học Bách khoa Hà Nội	
26	Trường Đại học Nam Cần Thơ	
27	Trường Đại học Ngoại Thương	
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	
29	Trường Đại học Kinh tế Tp hồ Chí Minh	
30	Trường Đại học Lạc Hồng	

Danh sách tiếp tục cập nhật đến ngày đăng ký dự tuyển.

**Mặt trong mẫu chứng chỉ tiếng Anh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định**

18 cm

<p><b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b> <b>Independence - Freedom - Happiness</b></p> <p><b>CERTIFICATE OF PROFICIENCY</b></p> <p>In: _____ Level: _____</p> <p><b>This is to certify that</b></p> <p>Full name: _____ Date of birth: _____ Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam Date of Exam: _____ Overall Score:</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Listening:</td> <td>Reading:</td> </tr> <tr> <td>Speaking:</td> <td>Writing:</td> </tr> </table> <p>Hanoi,</p> <p>Decision number: _____ Certificate number: _____ Reference number: _____</p>	Listening:	Reading:	Speaking:	Writing:	<p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> <p><b>CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ</b></p> <p>Ngôn ngữ: _____ Bậc: _____</p> <p><b>Cấp cho</b></p> <p>Họ và tên: _____ Ngày sinh: _____ Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Ngày thi: _____ Điểm thi:</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Nghe:</td> <td>Đọc:</td> </tr> <tr> <td>Nói:</td> <td>Viết:</td> </tr> </table> <p>Hà Nội, ngày _____ tháng _____ năm _____</p> <p style="text-align: center;"><b>HIỆU TRƯỞNG</b></p> <p>Số Quyết định: _____ Số hiệu: _____ Số vào sổ cấp chứng chỉ: _____</p>	Nghe:	Đọc:	Nói:	Viết:
Listening:	Reading:								
Speaking:	Writing:								
Nghe:	Đọc:								
Nói:	Viết:								

**PHỤ LỤC 3**  
**TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Thí sinh phải đạt tối thiểu điểm hồ sơ: 50 điểm**

**Thí sinh phải đạt tối thiểu điểm hồ sơ: 50 điểm**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I.</b>	<b>Điều kiện tính điểm hồ sơ</b>	<b>50,0</b>	
1	Tốt nghiệp ĐH đúng ngành hoặc ngành phù hợp		
2	Trình độ ngoại ngữ đạt bậc 3/6 hoặc tương đương		
3	nộp đầy đủ các loại giấy tờ theo quy định		
	Điều kiện tính điểm khác		
<b>II.</b>	<b>Điểm tiêu chí khác</b>	<b>50,0</b>	
1	Xếp loại tốt nghiệp	<b>15,0</b>	
	Khá	5	
	Giỏi	10	
	Xuất sắc	15	
2	Năng lực ngoại ngữ	<b>7,5</b>	
	Bậc 4 và tương đương	2,5	
	Bậc 5 và tương đương	5,0	
	Bậc 6 và tương đương	7,5	
3	Thành tích nghiên cứu khoa học	<b>22,5</b>	
	Tác giả chính hoặc đồng tác giả chính (tác giả đầu, tác giả liên hệ) bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus	3,0	
	Đồng tác giả bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus	1,5	
	Tác giả chính của tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế khác	1,5	
	Đồng tác giả của tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế khác	1,0	
	Chủ trì đề tài cấp cơ sở trở lên	3,0	
	Tham gia đề tài nghiên cứu các cấp	1,5	
	Tham gia hội nghị khoa học và có giải thưởng:		
	- 01 giải nhất	5,0	
	- 01 giải nhì	4,0	
	- 01 giải ba	3,0	
	- 01 giải khuyến khích	2,0	
4	Kinh nghiệm chuyên môn		
	Số năm hoạt động chuyên môn × 1 điểm	<b>5,0</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	
	<b>Điểm ưu tiên về đối tượng, khu vực:</b>	<b>10</b>	

## PHỤ LỤC 4

### HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRỰC TUYẾN VÀ NỘP LỆ PHÍ

#### 1. Đăng ký dự thi trực tuyến

Truy cập đường link: <http://tuyensinh.hup.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo các bước hướng dẫn sau:

Bước 1: Đọc Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ năm 2024.

Bước 2: Tạo tài khoản.

Bước 3: Đăng nhập

Bước 4: Khai thông tin cá nhân theo yêu cầu.

Bước 5: In Phiếu đăng ký, ký tên và lấy xác nhận theo yêu cầu.

Lưu ý: Liên hệ Phòng Công nghệ thông tin: 0243.9335705; 0949.228.111 hoặc Email: [ducpp@hup.edu.vn](mailto:ducpp@hup.edu.vn) để được trợ giúp nếu gặp lỗi khi đăng ký.

**2. Nộp lệ phí tuyển sinh:** Thí sinh sau khi đã đăng ký trực tuyến thành công chuyển khoản lệ phí dự thi theo thông tin sau:

Tên tài khoản: Trường Đại học Dược Hà Nội

Số tài khoản: 1600288866

Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)  
– Sở Giao dịch số 3

Số tiền: xxxxx đồng

Nội dung: Trình độ tuyển sinh\_Họ tên\_Ngày sinh

Mã QR:

